

**NGHỊ QUYẾT**

**Về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Thọ Xuân**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Thọ Xuân; Báo cáo số 378/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Thọ Xuân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với huyện Thọ Xuân về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.
2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Ngân sách huyện Thọ Xuân được hưởng 100% số thu tiền sử dụng đất thu được từ 15 dự án khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện với số thu tiền sử dụng không quá 5.000 tỷ đồng (có Phụ lục I kèm theo) để thực hiện đầu tư xây dựng 08 dự án trọng điểm trên địa bàn huyện (có Phụ lục II kèm theo), với điều kiện hằng năm phải hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh và tăng thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Thọ Xuân từ 10% trở lên. Trường hợp số thu tiền sử dụng đất thu được từ 15 dự án khai thác quỹ đất lớn hơn 5.000 tỷ đồng, thì phần vượt thu thực hiện theo quy định hiện hành về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Căn cứ hạn mức vay của tỉnh, hình thức vay, đối tượng vay và kết quả thu, chi ngân sách hằng năm, tỉnh sẽ ưu tiên lựa chọn và đầu tư một số dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Thọ Xuân từ nguồn vốn tỉnh vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vốn vay từ các tổ chức tài chính trong nước, vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh và nguồn thu bổ sung theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa.

3. Huyện Thọ Xuân được bổ sung chi thường xuyên thêm 05 tỷ đồng/năm (ngoài định mức được giao theo Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh) từ năm 2023 để thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính trên địa bàn huyện.

### Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; tổ chức sơ kết sau ba năm thực hiện, tổng kết sau khi hết thời gian thực hiện Nghị quyết và đề xuất, kiến nghị trong giai đoạn tiếp theo.

2. Việc triển khai thực hiện các dự án khai thác quỹ đất và việc tổ chức đầu tư xây dựng các dự án ưu tiên đầu tư theo cơ chế, chính sách đặc thù phải



tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, đất đai, xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trong trường hợp Trung ương có những chủ trương mới có liên quan đến nội dung của Nghị quyết này, theo đó có nội dung tại Nghị quyết này không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với Nghị quyết khác của Hội đồng nhân dân tỉnh thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp các Nghị quyết khác của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân huyện Thọ Xuân quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Thọ Xuân;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Trọng Hưng**

**PHU LUC I:**

**Danh mục 15 dự án khai thác quỹ đất áp dụng chính sách đặc thù trên địa bàn huyện Thọ Xuân**

*(Kèm theo Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Quy mô (ha)	Dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất	Dự kiến chi phí GPMB và đầu tư HTKT	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí)	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất hằng năm					Ghi chú
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>617</b>	<b>11.186.305</b>	<b>6.186.305</b>	<b>5.000.000</b>	<b>546.306</b>	<b>1.148.770</b>	<b>1.504.324</b>	<b>1.164.802</b>	<b>635.798</b>	
1	Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân	70,4354	1.319.200	897.095	422.105	320.105	102.000				
2	Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường Cầu Kè, huyện Thọ Xuân	10,88	267.745	141.440	126.305	126.305					
3	Khu dân cư mới hai bên đường Lê Hoàn, xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân	15,7	345.000	157.000	188.000	75.200	56.400	56.400			
4	Đất ở Khu dân cư, tái định cư tại ngã tư nút giao đầu tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng	4,66	128.320	46.000	82.320	24.696	32.928	24.696			
5	Khu dân cư mới Xuân Hòa - Thọ Hải, huyện Thọ Xuân	7,23	212.400	72.300	140.100		42.030	42.030	28.020	28.020	



TT	Danh mục dự án	Quy mô (ha)	Dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất	Dự kiến chi phí GPMB và đầu tư HTKT	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí)	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất hàng năm					Ghi chú
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
6	Khu dân cư mới xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân	10,78	280.000	107.800	172.200		51.660	51.660	34.440	34.440	
7	Khu dân cư mới xã Phú Xuân, huyện Thọ Xuân	26,18	693.600	183.260	510.340		153.102	153.102	153.102	51.034	
8	Khu dân cư mới xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân	21,25	660.800	212.500	448.300		134.490	224.150	44.830	44.830	
9	Khu dân cư mới xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân	20,38	486.600	203.800	282.800		84.840	113.120	56.560	28.280	
10	Khu dân cư đồng Mã Cỏ Dưới, thôn Phong Lạc, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân	19,17	413.700	191.700	222.000		66.600	88.800	44.400	22.200	
11	Khu dân cư và dịch vụ công cộng thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân	10,81	272.500	132.120	140.380		140.380				
12	Khu dân cư phía Đông đường Hồ Chí Minh (đối diện Công ty lâm sản Lam Sơn), xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân	19,1	487.440	203.100	284.340		284.340				
13	Khu dân cư và công trình dịch vụ, công cộng tại xã Thọ Xương	42,5	714.000	452.234	261.766			261.766			
14	Khu dân cư mới thị trấn Thọ Xuân (Đối diện công sở thị trấn Thọ Xuân)	38	855.000	418.000	437.000				437.000		

TT	Danh mục dự án	Quy mô (ha)	Dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất	Dự kiến chi phí GPMB và đầu tư HTKT	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí)	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất hằng năm					Ghi chú
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
15	Khu đô thị Trung tâm hành chính mới của huyện	300	4.050.000	2.767.956	1.282.044			488.600	366.450	426.994	



**PHU LUC II:**

**Danh mục dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án khai thác quỹ đất áp dụng chính sách đặc thù trên địa bàn huyện Thọ Xuân**

*(Kèm theo Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>5.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án quan trọng tinh giao cho huyện Thọ Xuân thực hiện</b>		<b>973.000</b>	
1	Cầu Thọ Diên qua sông Chu nối Quốc lộ 47C với Đường tỉnh 506B	Chiều dài cầu khoảng 800m, quy mô chiều rộng mặt cầu 20,5m; Đường dẫn đầu cầu chiều dài khoảng 500m quy mô nền đường phù hợp với cầu.	798.000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh 506B đoạn Xuân Tín - Trường Xuân.	Chiều dài khoảng 11km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng; nền đường rộng 9,0m; mặt đường rộng 8,0m.	175.000	
<b>II</b>	<b>Các dự án động lực, có tác động lan tỏa, cấp thiết, phục vụ an sinh xã hội và đời sống nhân dân được xác định trong các Nghị quyết, quy hoạch của huyện Thọ Xuân</b>		<b>4.027.000</b>	
3	Tuyến đường số 7 Đô thị Lam Sơn-Sao Vàng	Tổng chiều dài khoảng 13km; nền đường rộng 55m; mặt đường rộng 2x12=24m; giải phân cách rộng 5m; vỉa hè rộng 2x13=26m.	995.000	
4	Công sở hành chính mới huyện Thọ Xuân và hạ tầng trung tâm hành chính	Công sở nhà làm việc hợp khối; hạ tầng trung tâm hành chính gồm: Trung tâm hội nghị, Quảng trường, các tuyến đường giao thông nội thị, cây xanh, điện chiếu sáng, vỉa hè, thoát nước... đồng bộ.	450.000	



STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
5	Tuyến đường số 8 Đô thị Lam Sơn-Sao Vàng	Chiều dài khoảng 6,5km đoạn nối từ Quốc lộ 47C đến tuyến đường số 4 – vành đai phía Nam khu Công nghiệp Lam Sơn Sao Vàng; đầu tư chiều rộng nền đường rộng 43m; mặt đường rộng $2 \times 12 = 24\text{m}$ ; giải phân cách rộng 3m; vỉa hè rộng $2 \times 8 = 16\text{m}$ .	461.000	
6	Tuyến đường số 9 vành đai Đông Bắc sân bay Thọ Xuân	Chiều dài khoảng 13,5km (không bao gồm 1,3km cầu Thọ Diên qua sông Chu) nối Quốc lộ 47 (tại huyện Triệu Sơn) với đường Hồ Chí Minh (tại huyện Ngọc Lặc); đầu tư với quy mô nền đường rộng 25m; mặt đường rộng 15m, vỉa hè $2 \times 5\text{m}$ .	863.000	
7	Tuyến đường vành đai tả sông Chu	Chiều dài tuyến khoảng 22,5km; đầu tư xây dựng mới đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng nền đường rộng 9m; mặt đường rộng 8m.	508.000	
8	Hạ tầng các xã, thị trấn đạt tiêu chí phường	Đầu tư xây dựng đảm bảo tối thiểu 15 xã đạt tiêu chí kết cấu hạ tầng phường theo tiêu chuẩn phường thuộc thị xã tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13.	750.000	